

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2020/HS-ST

Ngày: 16/9/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường.
Ông Trịnh Xuân Tính .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa - TAND thành phố Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2020/TLST-HS ngày 04/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2020/QĐXXST-HS ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 07/9/2020, đối với bị cáo:

Phạm Minh K: sinh năm 1939; nơi cư trú: SN 09 phố 7, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: kinh, Tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Phạm Văn C, con bà Phạm Thị K (đều đã chết); Vợ: Lê Thị N (đã ly hôn), có 03 con (lớn nhất sinh 1975, nhỏ nhất sinh 1981); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H - sinh 1985. Có mặt.

Nơi đăng ký tạm trú, tạm vắng: SN 44/417 phố T, phường Đ, thành phố T.

Nơi ở hiện nay: Xóm 11, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: bị cáo Phạm Minh K chung sống với bà Nguyễn Thị T (sinh 1955, trú tại SN 44/417 phố T, phường Đ, thành phố T) như vợ chồng, nhưng

không đăng ký kết hôn. Thời gian sống tại nhà bà T, Kính với chị Nguyễn Thị H - sinh 1985 (là con riêng của bà T) xảy ra mâu thuẫn nên K và chị H thường xuyên cãi nhau, chị H đã nhiều lần đuổi K ra khỏi nhà. Vào khoảng 16h00 ngày 08/3/2020, khi K đang ngồi ở tầng 2 thì chị H tiếp tục yêu cầu K ra khỏi nhà nên hai bên xảy ra to tiếng, K bực tức lấy dao gọt hoa quả dài khoảng 20cm, lưỡi dao rộng 2cm đang để gần ti vi đâm nhiều nhát vào người chị H thì chị H giằng co làm dao văng xuống đất. Sau đó, K tiếp tục dùng gậy đẩy sơn, cán bằng kim loại dài 40cm, bản rộng 06cm để ở tường nhà đập 02 cái vào đầu chị H khiến chị H bị thương phải đi điều trị tại bệnh viện đa khoa T, thành phố T.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể chị H lập hồi 14h ngày 09/3/2020 tại bệnh viện đa khoa T (BL 25), có các vết thương cụ thể sau:

- 01 vết thương ở thái dương trái, kích thước 1 x 0,5cm.
- 01 vết thương ở trâm, kích thước 2 x 0,5cm.
- 01 vết thương ở vai trái, kích thước 2cm.
- 01 vết thương ở hông sườn trái, kích thước 1 x 0,5cm.
- 01 vết thương ở cẳng tay trái, kích thước 1,5 x 1cm.
- 01 vết thương ở ngón 5 tay phải, kích thước 2 x 0,5cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 221/2020/TTPY ngày 08/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa (BL 31-32) kết luận: tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với chị Nguyễn Thị H là 6% (được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể theo Điều 4- Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế).

Ngày 19/4/2020 chị H có đơn đề nghị cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Minh K (BL 54).

Chị Nguyễn Thị H điều trị tại bệnh viện đa khoa T, thành phố T từ ngày 08/3/2020 đến ngày 17/3/2020. Tổng chi phí điều trị gồm: tiền chi phí khám chữa bệnh 1.670.167đ, chi phí khám chữa bệnh nội trú: 1.750.117đ, tổng cộng là 3.420.284đ. Chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị tổng số tiền 250.000.000đ (bao gồm tiền viện phí, tiền thuốc sau ra viện, tiền thiệt hại về kinh tế trong thời gian điều trị, tiền công người chăm sóc). Ngày 16/9/2020 bị cáo Phạm Minh K đã tự nguyện giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 20.000.000đ để bồi thường cho chị H.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao bằng kim loại màu đen, cán gỗ, dài 20cm, bản lưỡi dao rộng 02cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc gậy đẩy sơn, cán màu vàng cam dài 40cm, bản rộng 06cm.

Quá trình xô sát, bị cáo Nguyễn Minh K cũng bị thương tích nhưng từ chối giám định và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 221/Ctr-VKSTPTH ngày 03/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Phạm Minh K về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Minh K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về dân sự: đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại các chi phí hợp lý theo quy định pháp luật.

Về tang vật: tịch thu tiêu hủy con dao và chiếc gậy đẩy sơn là tang vật thu giữ trong vụ án.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận.

Tại phiên tòa, người bị hại - chị Nguyễn Thị H không đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện VKS mà đề nghị HĐXX xét xử bị cáo về tội "Giết người" nhưng chưa đạt. Vì bị cáo đã có ý thức, có sự chuẩn bị vũ khí, hung khí từ trước và thực hiện hành vi đâm vào những vị trí trọng yếu trên cơ thể chị dẫn đến nguy hiểm đến tính mạng. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết tăng nặng đối với bị cáo với các lý do: tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn, quanh co chối tội; bị cáo có hành vi vu khống cho chị là người đã gây thương tích trước cho bị cáo; thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" bị cáo không chấp hành các quy định của pháp luật trong thời gian bị quản chế, vẫn đi đến khu vực khác ngoài nơi cư trú của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: do có nhiều mâu thuẫn với chị H trong cuộc sống, nên vào khoảng 16h00' ngày 08/3/2020, tại SN 44/417 Lê Thánh Tông,

phường Đ, thành phố T, do bức xúc về việc chị H tiếp tục đuổi bị cáo ra khỏi nhà, bị cáo đã có hành vi dùng dao đâm nhiều nhát vào người và dùng gậy đập sơn đập vào đầu chị H gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 06%.

Tại phiên tòa, người bị hại đề nghị HĐXX xét xử bị cáo về tội “Giết người”, nhưng chưa đạt. Xét thấy: xuất phát từ sự mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại, khi bị cáo có hành vi đuổi bị cáo ra khỏi nhà bị cáo mới bức xúc dùng dao gọt hoa quả và gậy đập sơn gây thương tích cho chị H. Vì vậy, bị cáo không có động cơ, mục đích giết chị H từ trước và không có sự chuẩn bị vũ khí, hung khí vì con dao và cây gậy đập sơn là những vật dụng sinh hoạt hàng ngày có sẵn tại gia đình bà T. Sau khi bị thương tích, chị H đã được Công an phường Đ và bác sĩ bệnh viện đa khoa T xem xét dấu vết trên thân thể, đã xem xét mức độ, kích thước vết thương và đã được chị H xác nhận và thống nhất với kết quả giám định thương tích. Chị H trình bày bị cáo cố ý thực hiện hành vi đến cùng vì sau khi gây thương tích cho chị, bị cáo đã tiếp tục xô và lừa đuổi chị xuống tầng 1 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, không có cơ sở xác định bị cáo có chủ định thực hiện hành vi giết chị H từ trước nhưng chưa đạt như trình bày của chị H.

Về đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: HĐXX xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; trước đây tại cơ quan điều tra bị cáo khai chị H là người dùng dao gây thương tích cho bị cáo trước, nhưng sau đó bị cáo khai báo lại khẳng định mình là người dùng dao và gậy đập sơn gây thương tích cho chị H; quá trình điều tra, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cắm đi khỏi nơi cư trú”, giao cho UBND phường N quản lý, theo dõi. Tuy nhiên, cơ quan quản lý, theo dõi không có thông báo gì về việc vi phạm của bị cáo trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn. Vì vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo như đề nghị của chị H.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại (BL 48-52), phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi dùng dao và gậy đập sơn là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị Nguyễn Thị H làm chị H tổn thương 6% sức khỏe của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS như Quyết định truy tố và luận tội của Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn trong gia đình, do chị H không đồng ý cho bị cáo ở tại nhà mẹ đẻ của mình, đã đuổi bị cáo nên bị cáo bức xúc có hành vi xâm phạm đến sức khỏe của chị H là công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của người bị hại, ảnh hưởng trật tự trị an xã hội nên cần xử lý nghiêm minh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tự nguyện giao nộp 20.000.000đ để bồi thường cho người bị hại; bị cáo là người có công với cách mạng; là người phạm tội đủ 70 trở lên. Vì vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại các điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51 BLHS xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

+ Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; ngoài lần phạm tội này không có vi phạm gì khác; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung; sự việc xảy ra cũng có nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn trong gia đình; Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: hành vi phạm tội của bị cáo đã làm tổn hại sức khỏe của chị Hằng, chị Hằng phải đến bệnh viện điều trị là thực tế. Vì vậy, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Hằng các khoản chi phí điều trị, chi phí hợp lý khác và tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ, thời gian điều trị, tiền chi phí khám chữa bệnh, mức thu nhập bình quân phổ thông, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với tiền viện phí, chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoảng 7.000.000đ, nhưng căn cứ các hóa đơn giao nộp chỉ có căn cứ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị Hằng tổng số tiền chi phí khám, chữa bệnh là 3.420.284đ.

+ Đối với khoản tiền mất thu nhập của chị H và người chăm sóc trong thời gian chị H điều trị: quá trình điều tra cũng như trong thời hạn chuẩn bị xét xử chị H không cung cấp được xác nhận thu nhập thực tế trong 03 tháng liên tiếp của mình cũng như người chăm sóc để tính mức trung bình làm căn cứ yêu cầu bị cáo bồi thường. Vì vậy, căn cứ mức thu nhập bình quân của người lao động tự do tại địa phương (vào thời điểm tháng 3/2020) là 200.000đ/01 ngày để buộc bị cáo phải bồi thường. Tuy nhiên, về thực tế chị H và người chăm sóc chị làm kinh doanh nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H và người chăm sóc tiền mất thu nhập với mức 300.000đ/01 ngày là phù hợp.

+ Do chị H bị tổn hại 6% sức khỏe nên sau khi điều trị cần có chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe. Vì vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H một khoản tiền nhất định để bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe.

+ Chị H bị thương tích không chỉ gây tổn hại sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến tinh thần nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho chị H theo quy định pháp luật. Căn cứ quy định của Điều 590 BLDS về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H số tiền tương đương 04 tháng lương cơ sở là phù hợp.

Từ phân tích trên, HĐXX xét thấy có căn cứ buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Hằng các khoản tiền cụ thể sau:

- Bồi thường chi phí điều trị, khám và chữa bệnh là 3.420.284đ.
- Bồi thường mất thu nhập trong thời gian điều trị: 3.000.000đ (10 ngày).
- Bồi thường công người chăm sóc trong thời gian điều trị: 3.000.000đ (10 ngày)
- Bồi thường tiền thuốc sau điều trị: 3.000.000đ.
- Bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau điều trị: 5.000.000đ.
- Bồi thường tổn thất tinh thần: 5.960.000đ (tương đương 04 tháng lương cơ sở).

Tổng cộng: 23.380.000đ (làm tròn số), đã nộp bồi thường 20.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 3.380.000đ.

[6] Về vật chứng: 01 con dao bằng kim loại màu đen, cán gỗ, dài 20cm, bản lưỡi dao rộng 02cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc gậy đẩy sơn, cán màu vàng cam dài 40cm, bản rộng 06cm thu giữ trong vụ án không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí HSST và DSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 65 BLHS; Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Minh K phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Phạm Minh K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H tổng số tiền 23.380.000đ (hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng), đã nộp bồi thường 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp 3.380.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T để nhận 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền bồi thường do bị cáo đã nộp (theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002283 ngày 16/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa).

Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại màu đen, cán gỗ, dài 20cm, bản lưỡi dao rộng 02cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc gậy đẩy sơn cán màu vàng cam dài 40cm, bản rộng 06cm (hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T theo biên bản giao nhận vật chứng số 193A/THA ngày 05/8/2020 giữa Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà